



BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 4

TUẦN 5

I. TRẮC NGHIỆM:

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Số gồm 6 trăm nghìn, 3 chục nghìn, 0 nghìn, 4 trăm, 2 chục, 7 đơn vị là:

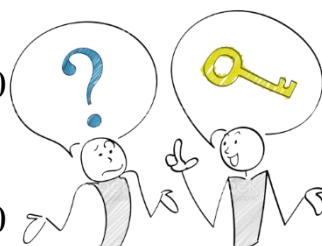
- A. 630427 B. 360427 C. 6030427 D. 6003427

Câu 2. Số liền sau của số 99 999 là:

- A. 99 998 B. 99 9910 C. 100 000 D. 99 100

Câu 3. Giá trị chữ số 3 trong số 132 456 là:

- A. 300 B. 3000 C. 30 D. 30 000



Câu 4. Chữ số 2 ở số 345 234 thuộc hàng nào? Lớp nào?

- A. hàng chục, lớp chục
B. hàng trăm, lớp đơn vị
C. hàng trăm, lớp trăm

Câu 5. Trong các số: 567 312; 567 213; 576 321; 612 537. Số lớn nhất là:

- A. 567 312 B. 567 213 C. 576 321 D. 612 537

Câu 6. Số 1 trăm triệu có mấy chữ số 0 tận cùng?

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 7. Số bé nhất có sáu chữ số là:

- A. 111111 B. 100000 C. 999999 D. 899999

Câu 8. Từ các chữ số 3, 1, 4 lập được tất cả bao nhiêu số có ba chữ số khác nhau?

- A. 6 B. 5 C. 4 D. 2



II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đọc các số sau:; 54 567 667; 34 456 678; 54 567 345

830 678 456:

54 567 667:

34 456 678:

54 567 345:

Bài 2. Tìm m. Biết

$$a, 45\,67m < 45\,671$$

.....

.....

.....

$$b, 27m\,569 > 278\,569$$

.....

.....

.....

Bài 3: Tìm x. Biết x là số tròn chục thỏa mãn:

$$x < 50$$

.....

.....

.....

$$33 < x < 77$$

.....

.....

.....

Bài 4: Từ các chữ số 5; 0; 3; 8 hãy viết tất cả các số có bốn chữ số được làm tròn đến hàng chục.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

